

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA TÔ

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND, ngày ...tháng 11 năm 2025 của UBND xã Ba Tô)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức được giao năm 2025	Số lượng công chức có mặt thời điểm 30/11/2025				HĐLĐ theo Nghị định 111	Ghi chú
			Tổng	Vị trí lãnh đạo, quản lý		Vị trí chuyên môn, dùng chung		
				Cấp trưởng	Cấp phó			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	CẤP XÃ							
1	Xã Ba Tô	40	26	4	9	1	3	0
a	Lãnh đạo HĐND	1	1	0	1			
b	Các Ban HĐND	2	1	0	1			
c	Lãnh đạo UBND	3	3	1	2			
d	Văn phòng HĐND và UBND	8	5	1	1		3	Có 02 HĐ theo ND 173
e	Phòng Kinh tế	10	7	1	2	1		Có 01 HĐ theo ND 174
g	Phòng Văn hóa - Xã hội	9	5	1	1			Có 03 HĐ theo ND 173
h	Trung tâm phục vụ hành chính công	4	4	0	1			
i	Ban Chỉ huy quân sự	3	0	0	0			
	...							

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA TÔ

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND, ngày ...tháng 11 năm 2025 của UBND xã Ba Tô)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Ngạch công chức hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	CẤP XÃ								
1	Xã/phường/đặc khu 1								
a	Lãnh đạo HĐND								
1	Phạm Văn Phân	17/07/1983	Nam	H rê	PCT HĐND	ThS Chính sách công	Cao cấp	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
b	Các Ban HĐND								
1	Phạm Văn Trung	12/6/1988	Nam	H rê	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách	ĐH QLNN	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,67	
c	Lãnh đạo UBND								
1	Phạm Quý Đức	15-10-1983	Nam	Hrê	CT. UBND	Giáo dục Tiểu học (hệ chính quy); ĐH Luật (vừa học vừa làm)	Cao cấp	Chuyên viên chính (01.002); Hệ số: 4,40	
2	Phạm Văn Thất	17-03-1990	Nam	Hrê	PCT. UBND	ĐH Kinh tế phát triển (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
3	Lê Hòa Hiệp	03/7/1987	Nam	Kinh	PCT. UBND, Kiêm GD TTDVC	ThS 'Quản lý XD - QLDA XD	Cao cấp	Chuyên viên (01,003); Hệ số: 3,66	
d	Văn phòng HĐND và UBND								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Ngạch công chức hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Huỳnh Thanh Bảo	25/06/1983	Nam	Kinh	Chánh VP HĐND&UBND xã	ĐH Nông học (VHVL); TC Tin học - Nghịệp vụ văn phòng (CQ)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	Đang học Cao cấp LLCT
2	Phạm Văn Náy	20/5/1989	Nam	Hrê	Phó Chánh VP HĐND&UBND xã	ĐH QLNN (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
3	Nguyễn Thành Tín	15/8/1990	Nam	Kinh	Công chức	Cử nhân Luật Hệ VLVH	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,00	
4	Phạm Văn Sít	26/3/1993	Nam	Hrê	Công chức	Đại học Luật (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,67	
5	Đinh Văn Thắm	06-03-1976	Nam	Hrê	Công chức	Cử nhân Luật Hệ VLVH	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,99	
e	Phòng Kinh tế								
1	Trần Đức Quý	15/3/1987	Nam	Kinh	Trưởng phòng	Đại học kế toán hệ chính quy	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
2	Nguyễn Văn Hải	10/01/1979	Nam	Kinh	Phó Trưởng phòng	Đại học Lâm nghiệp (Vừa học vừa làm)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
3	Trần Chí Thảo	01/02/1979	Nam	Kinh	Phó Trưởng phòng	Quản lý tài nguyên và môi trường (Vừa học vừa làm)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,99	
4	Đinh Thị Hồng Thơ	13-06-1991	Nữ	Hre	Công chức	ĐH Tài chính - Ngân hàng (hệ chính quy)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
5	Phạm Văn Cừ	08/05/1990	Nam	Hrê	Công chức	ĐH QLDD (VHVL); TC Lâm nghiệp (CQ)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
6	Sala Văn Cầu	30/3/1985	Nam	Hrê	Công chức	ĐH QL Đất đai Hệ VLVH	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Ngạch công chức hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Phạm Văn Để	16-06-1986	Nam	Hrê	Công chức	Đại học QLDD (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,00	
g	Phòng Văn hóa - Xã hội								
1	Phạm Văn Đìn	20/7/1979	Nam	Hrê	Trưởng phòng	Cử nhân QLNN Hệ VLVH	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,67	
2	Nguyễn Đức Tự	11/06/1987	Nam	Kinh	Phó Trưởng phòng	ĐH Văn hóa DTTS Việt Nam (CQ)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
3	Phạm Văn Thích	10/11/1986	Nam	Hrê	Công chức	ĐH QLNN (VHVL); CD Công tác xã hội (CQ)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
4	Phạm Thị Hồng	15/7/1990	Nữ	Hrê	Công chức	ĐH Văn hoá học Hệ chính quy	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,33	
5	Phạm Thị Liêu	9/12/1987	Nữ	Hrê	Công chức	Đại học QLNN (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
h	Trung tâm phục vụ hành chính công								
1	Phạm Văn Lương	10/10/1976	Nam	Hrê	Phó Giám đốc	TC VP; ĐH QLNN (Vừa học vừa làm)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
2	Nguyễn Văn Tiếng	20/03/1989	Nam	Kinh	Công chức	ĐH Luật (VHVL); TC Luật (CQ)	SC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 2,67	
3	Phạm Văn Thía	10-11-1986	Nam	Hrê	Công chức	ĐH Hành chính (VHVL)	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,06	
4	Phạm Văn Phong	24-04-1981	Nam	Hrê	Công chức	Cử nhân Hành chính học Hệ VLVH	TC	Chuyên viên (01.003); Hệ số: 3,66	
i	Ban Chỉ huy quân sự								
...	...								

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA TÔ

DANH SÁCH VIÊN CHỨC

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND, ngày ...tháng 11 năm 2025 của UBND xã Ba Tô)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	CẤP XÃ								
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công								
1	Phạm Văn Cự	14/03/1989	Nam	Hre	Phó Giám đốc Trung tâm DVSNC	ĐH Kỹ sư Nông học	TC	V.03.09.26; Hệ số: 3,33	
2	Phạm Văn Liên	12/01/1983	Nam	Hrê	Viên chức TT DVSNC	TC Báo chí hệ chính quy		01.004; Hệ số: 3,33	
	...								
2	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo								
2.1	Trường Mầm non Ba Tô								
1	Phạm Thị Thành	20-08-1982	Nữ	Hrê	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	V.07.02.26	
2	Mai Thị Chung	18-09-1982	Nữ	Kinh	P. Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	V.07.02.25	
3	Phạm Thị Ly Na	18/07/1979	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	V.07.02.25	
4	Phạm Thị My	25/09/1978	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	V.07.02.25	
5	Phạm Thị Pheo	05/10/1980	Nữ	Hrê	Giáo viên	Cao đẳng		V.07.02.26	
6	Phạm Thị Nhân	17/11/1987	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
7	Bùi Thị Mỹ Hạnh	10/10/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
8	Phạm Thị Thanh	03/04/1986	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	V.07.02.26	
9	Phạm Thị Bé	01/01/1986	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
10	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	20/10/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
11	Trần Thùy Dung	09/08/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Phạm Thị Mon	12/01/1995	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
13	Phan Thị Ngân	24/03/1988	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
14	Phạm Thị Thảo	20/03/1995	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
15	Trần Thị Mỹ Linh	12/06/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		V.07.02.26	
16	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	24/03/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên	Cao đẳng		V.07.02.26	
17	Phạm Thị Hiền Chi	21/05/2002	Nữ	Hrê	Giáo viên	Cao đẳng		V.07.02.26	
18	Nguyễn Thị Tô Vân	25-12-1987	Nữ	Kinh	Nhân viên	Cao đẳng	Sơ cấp	02.008	
19	Nguyễn Thị Thanh Vui	18-01-1992	Nữ	Kinh	Nhân viên	Đại học		06.032	
2,2	Trường Mầm non Ba Nam								
1	Lê Thị Kim Dung	24/04/1986	Nữ	Kinh	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	
2	Phạm Thị Phí	20/06/1981	Nữ	Hre	PHT	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	
3	Phạm Thị Dế	10/10/1988	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng III	
4	Phạm Thị Kim Thoa	06/02/1987	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng III	
5	Phạm Thị Đốt	08/12/1995	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		CDNN hạng III	
6	Phạm Thị Thảo	10/08/1993	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng III	
7	Phạm Thị Thanh Thúy	10-04-1990	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng III	
8	Nguyễn Thị Thanh Thúy	17-07-1987	Nữ	Kinh	Nhân viên	Cao đẳng	Trung cấp	Kế toán viên trung cấp	
2,3	Trường Mầm non Ba Lễ								
1	Phạm Thị Phụng	22/02/1980	Nữ	Hrê	Hiệu Trưởng	ĐHSPMN	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	
2	Phạm Thuỳ Thùy Nga	17/07/1982	Nữ	Kinh	P.Hiệu trưởng	ĐHSPMN	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	
3	Phạm Thị Hoa	30/03/1993	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN		Giáo viên mầm non hạng III	
4	Tô Thị Thùy Trang	19/8/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên	ĐHSPMN	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	
5	Phạm Thị Xui	15/8/1990	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	
6	Phạm Thị Phước	10/6/1981	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN		Giáo viên mầm non hạng III	
7	Bùi Thị Biên	17/08/1988	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Phạm Thị Sy	0/6/2001	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN		Giáo viên mầm non hạng III	
9	Phạm Thị Sinh	05/6/1978	Nữ	Hrê	Giáo viên	CĐSPMN		Giáo viên mầm non hạng III	
10	Phạm Thị Phan	15/8/1985	Nữ	Hrê	Giáo viên	ĐHSPMN		Giáo viên mầm non hạng III	
11	Phạm Thị Minh	20/10/1977	Nữ	Hrê	Giáo viên	CĐSPMN		Giáo viên mầm non hạng IV	
2,4	Trường TH xã Ba Tô								
1	Nguyễn Thị Minh Tâm	17/05/1969	Nữ	Kinh	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	GVTH hạng II	
2	Nguyễn Minh Ngọc	30/12/1968	Nam	Kinh	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	GVTH hạng III	
3	Trần Văn Xuân	01/09/1972	Nam	Kinh	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	GVTH hạng II	
4	Lê Thị Thương	22/07/1977	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
5	Phạm Thị Cồ	12/10/1993	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
6	Phạm Thị Hòa	06/02/1996	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
7	Phạm Thị Thu Hiền	11/05/1977	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
8	Trần Thị Thu Hà	16/10/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
9	Cao Thị Yến Nhi	25/08/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
10	Nguyễn Nhật Sang	04/02/1989	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
11	Nguyễn Thị Mai	20/01/1977	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
12	Nguyễn Thị Kim Anh	20/10/1973	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
13	Phạm Thị Hồng Thủy	23/01/1971	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GVTH hạng III	
14	Đoàn Thị Tạm	02/08/1972	Nữ	Kinh	Giáo viên	Cao đẳng		GVTH hạng III	
15	Phạm Thị Vân	09/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
16	Nguyễn Duy Bách	13/08/1990	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GVTH hạng III	
17	Trần Ngọc Thùy	09/11/1972	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng II	
18	Trần Lan	24/09/1969	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
19	Phạm Duy Khách	20/02/1975	Nam	Hre	Giáo viên	Đại học	Trung cấp	GVTH hạng II	
20	Phạm Thị Bi	01/9/1996	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
21	Võ Tú Trinh	26/06/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
22	Nguyễn Trung Hiếu	22/09/1996	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	Phạm Thị Huệ	05/11/1997	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
24	Phạm Thị Kim Yển	22/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
25	Lê Nguyễn Quỳnh Sa	04/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
26	Nguyễn Thị Thanh Vang	13/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
27	Đoàn Văn Tuyền	20/10/1992	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
28	Phạm Văn Trưa	27/10/1988	Nam	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
29	Phạm Thị Lan Hương	29/10/1996	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
30	Cao Thị Hương Giang	23/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
31	Phạm Thị Diệu	15/5/1994	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
32	Phạm Thị Ni	19/7/1994	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
33	Phạm Thị Hạnh	02/9/2002	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
34	Đinh Thị Thanh Huyền	29/8/1995	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
35	Phạm Thị Y Lan	12/02/2001	Nữ	Hre	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
36	Trần Thị Trà My	02/02/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
37	Nguyễn Thùy Trâm	10/3/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
38	Trần Tuấn Vũ	08/12/1990	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
39	Nguyễn Thanh Tặng	08/5/1995	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GVTH hạng III	
40	Bùi Diệu Quang	25/01/1986	Nam	Kinh	Nhân viên kế toán	Đại học	Sơ cấp	Kế toán viên	
41	Nguyễn Minh Hoàng	30/09/1992	Nam	Kinh	Nhân viên thư viện	Đại học		Thư viện hạng IV	
42	Phạm Thị Đi	18/09/1989	Nữ	Hre	Nhân viên y tế	Trung cấp		Y sĩ (Hạng IV)	
2,5	Trường TH&THCS Ba Lẽ								
1	TRẦN VĂN THẮNG	15-07-1979	Nam	Kinh	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II	
2	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	01-03-1984	Nam	Kinh	P.Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II	
3	NGUYỄN THỊ TRANG	28-09-1989	Nữ	Kinh	P.Hiệu trưởng	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III	
4	NGUYỄN MẬU TRINH	12-07-1996	Nam	Kinh	Giáo viên, TPCM	Đại học		Giáo viên THCS hạng III	
5	PHẠM THỊ HÀ	20-03-1993	Nữ	Hrê	Giáo viên, TPCM	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III	
6	VÕ THỊ THU TÍNH	28-04-1995	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		Giáo viên tiểu học hạng III	
7	PHẠM THỊ THỦY	07-11-1998	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên THCS hạng III	
8	NGUYỄN THỊ NGỌC NỮ	20-03-1999	Nữ	Kinh	Giáo viên	Thạc sĩ		Giáo viên THCS hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	PHẠM THỊ NGUYỆT	28-09-2001	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
10	PHẠM THỊ TỔ UYÊN	26-02-2002	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
11	ĐINH THỊ MINH AN	15-09-2002	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
12	NGUYỄN THỊ TRÚC ANH	24-12-1991	Nữ	Kinh	Nhân viên, TTVP	Đại học		Kế toán viên	
13	NGUYỄN THỊ HUỆ	17-12-1970	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng II	
14	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	01-01-1978	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
15	ĐINH THỊ HOA	08-06-1988	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
16	PHẠM THỊ TỔ QUYÊN	13-08-1997	Nữ	Kinh	Giáo viên, TTCM	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III	
17	TRẦN KIM MẬU	01-01-1968	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		Giáo viên THCS hạng II	
18	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	10-10-1978	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		Giáo viên THCS hạng II	
19	TRẦN THU VÂN	06-09-1987	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III	
20	PHẠM VĂN THỜI	03-02-1980	Nam	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên THCS hạng III	
21	NGUYỄN MINH TRAI	10-06-1993	Nam	Kinh	Giáo viên, TTCM	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III	
22	PHẠM THỊ VINH	13-10-1977	Nữ	Mường	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III	
23	HUỲNH DU BÁCH	01-08-1987	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		Y sĩ (hạng IV)	
24	PHẠM VĂN NHÌ	12-04-1992	Nam	Hrê	Giáo viên	Đại học		Thư viện viên hạng IV	
25	PHẠM THỊ HỢ	04-07-1988	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III	
2,6	Trường TH&THCS Ba Nam								
1	Nguyễn Thế Trung	13/09/1972	Nam		HT	Đại học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III, Mĩ ngạch V.07.04.12	
2	Trần Ngọc Pháp	06/06/1978	Nam		P.HT	Đại học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II, Mĩ ngạch V.07.03.28	
3	Mai Xuân Dung	01/07/1980	Nam		P.HT	Thạc sĩ	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng I, Mĩ ngạch V.07.04.30	
4	Phạm Văn Ồi	15/05/1978	Nam	Hre	GV	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
5	Phạm Văn Tron	15/08/1968	Nam	Hre	GV	Cao đẳng		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.18	Đang học Đại học
6	Hà Ngọc Lâm	21/01/1997	Nam		TTCM	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
7	Phạm Thị Hương	05/06/1990	Nữ	Hre	GV	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
8	Phạm Văn Vinh	20/08/1996	Nam	Hre	GV	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
9	Phạm Ánh Dương	04/01/1998	Nam	Hre	GV	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
10	Phạm Minh Ly	27/11/1993	Nam	Hre	GV	Đại học		Giáo viên Tiểu học hạng III, Mĩ ngạch V.07.03.29	
11	Phạm Anh Tuấn	06/09/1978	Nam		TTCM	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III, Mĩ ngạch V.07.04.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Phạm Thị Thanh Thúy	20/04/1981	Nữ		TTCM	Đại học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II, MĐ ngạch V.07.04.11	
13	Phạm Xuân Sang	10/11/1985	Nam	Hre	GV	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
14	Phạm Văn Trích	25/05/1980	Nam	Hre	GV	Đại học		Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
15	Phạm Thị Phiếu	01/12/1985	Nữ	Hre	GV	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
16	Phạm Văn Châu	18/04/1986	Nam	Mường	GV	Đại học		Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
17	Nguyễn Hải Đoan	15/03/1997	Nam		GV	Đại học		Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
18	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	04/07/1998	Nữ		GV	Đại học		Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
19	Nguyễn Tây Lâm	27/04/1998	Nam		GV	Đại học		Giáo viên THCS hạng III, MĐ ngạch V.07.04.12	
20	Phạm Thị Vương	06/02/1993	Nữ	Hrê	TV-TB	Đại học		Thư viện viên hạng IV, MĐ ngạch V.10.02.07	
21	Nguyễn Hà Thạch	06/03/1989	Nam		Kế toán	Đại học		Kế toán viên hạng III, mđ ngạch V06.031	
2,7	Trường THCS Ba Tô								
1	Trương Vĩnh Cường	14-05-1986	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng II	
2	Huỳnh Thị Đào	20-10-1970	Nữ	Kinh	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II	
3	Nguyễn Thị Đông	22-09-1993	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng III	
4	Hồ Thị Hậu	03-10-1990	Nữ	Co	Nhân viên văn thư	Đại học		Văn thư viên trung cấp	
5	Đinh Thị Hoanh	27-03-1983	Nữ	Xơ-đăng	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng III	
6	Trần Mạnh Hùng	08-03-1993	Nam	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng III	
7	Đinh Thị Minh Loan	24-10-1981	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	
8	Nguyễn Thị Trà My	27-07-1987	Nữ	Kinh	Tổ phó chuyên môn	Đại học		GV THCS hạng II	
9	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	10-04-1992	Nữ	Kinh	Tổ phó chuyên môn	Đại học		GV THCS hạng III	
10	Phạm Thị Hồng Phong	19-01-1980	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng II	
11	Đinh Trần Bảo Quyên	03-12-1977	Nữ	Kinh	Nhân viên kế toán	Đại học		Kế toán viên trung cấp	
12	Phạm Thị Sê	25-12-1986	Nữ	Hrê	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng III	
13	Nguyễn Thanh Sơn	15-02-1978	Nam	Kinh	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	
14	Võ Thị Kim Thanh	19-01-1993	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng III	
15	Nguyễn Thị Bích Thủy	19-06-1976	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng III	
16	Nguyễn Đình Tín	10-05-1978	Nam	Kinh	Phó hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II	
17	Võ Thị Tuyết	10-08-1993	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng III	
18	Huỳnh Thị Lữ Tố Uyên	06-04-1993	Nữ	Kinh	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học		GV THCS hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn (cao nhất)	Trình độ lý luận chính trị	Hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
19	Lê Tường Vy	27-09-1995	Nữ	Kinh	Giáo viên	Đại học		GV THCS hạng III	